PHỤ LỤC SỐ 04
BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC-VẬT TƯ Y TẾ ĐẮK LẮK

Năm báo cáo: 2015

I. Thông tin chung

1. *Thông tin khái quát:*

- Tên giao dịch: **Công ty cổ phần Dược-Vật tư y tế Đắk Lắk.**
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: **6000449389**
- Vốn điều lệ: **19.415.880.000 đồng**
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: **19.415.880.000 đồng**
- Địa chỉ: **09A Hùng Vương – Tp. Buôn Ma Thuột – Tỉnh Đắk Lắk**
- Số điện thoại: **05003.812394**
- Số fax: **05003.858805**
- Website: **http://www.bamepharm.com.vn**
- Mã cổ phiếu (nếu có): **DBM**

** Quá trình hình thành và phát triển*

- Quá trình hình thành và phát triển (ngày thành lập, thời điểm niêm yết, thời gian các mốc sự kiện quan trọng kể từ khi thành lập đến nay.

-Ngày thành lập Công ty: 14/04/1976.

-Ngày chuyển đổi thành công ty cổ phần: 31/12/2003 với 51% vốn điều lệ do SCIC nắm giữ và chi phối. Tháng 10/2012, 51% phần vốn góp của SCIC được chuyển nhượng cho Công ty cổ phần Traphaco nắm giữ.

-Thời điểm niêm yết: Công ty niêm yết trên sàn UpCOM vào tháng 08/2010.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

- Ngành nghề kinh doanh: (Nêu các ngành nghề kinh doanh hoặc sản phẩm, dịch vụ chính chiếm trên 10% tổng doanh thu trong 02 năm gần nhất.

Mua bán thuốc, dược phẩm, vắc xin, sinh phẩm y tế, hóa chất xét nghiệm. Mua bán thiết bị quang học, thiết bị y tế, nha khoa, thiết bị bệnh viện. Mua bán các sản phẩm chức năng và dinh dưỡng.

- Địa bàn kinh doanh: (Nêu các địa bàn hoạt động kinh doanh chính, chiếm trên 10% tổng doanh thu trong 02 năm gần nhất.

Địa bàn kinh doanh chính của Công ty tại 02 tỉnh: Đắk Lắk và Đắk Nông.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý.

- Mô hình quản trị.

Mô hình quản trị của Công ty được cơ cấu theo mô hình trực tuyến-chức năng.

- Cơ cấu bộ máy quản lý.

Bộ máy quản lý của Công ty được cơ cấu như sau:

+ Quản lý cấp cao: Ban Tổng Giám đốc điều hành.

+ Quản lý cấp trung: Gồm Kế toán trưởng, Giám đốc kinh doanh, các trưởng phòng: Kế toán - Tài chính, Kế hoạch-Nghiệp vụ, Tiếp thị bán hàng, Tổng hợp nội vụ, QA và Giám đốc các chi nhánh.

+ Quản lý cấp cơ sở: Phó phòng, Trưởng kho và trưởng các nhà thuốc trung tâm tại các huyện và thành phố thuộc Tỉnh Đắk Lắk.

- Các công ty con, công ty liên kết: (Nêu danh sách, địa chỉ, lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính, vốn điều lệ thực góp, tỷ lệ sở hữu của Công ty tại các công ty con, công ty liên kết.

4. Định hướng phát triển

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty.

- Tái cấu trúc bộ máy quản lý trên cơ sở nâng cao năng lực quản lý và cải tiến phương thức điều hành.
- Phát triển thị trường và tăng trưởng thị phần OTC; củng cố thị phần ETC.
- An toàn vốn đi đôi với đảm bảo thu nhập người lao động và hiệu quả kinh doanh
- Đầu tư có trọng điểm và hiệu quả
- Nâng cao các mối quan hệ.

- Chiến lược phát triển trung và dài hạn.

Chiến lược về quản lý:

Trước hết về cơ cấu tổ chức. Thực hiện cấu trúc tổ chức và bộ máy quản lý Công ty theo mô hình trực tuyến chức năng nhằm đảm bảo nguồn thông tin và thực hiện mệnh lệnh có tính thống nhất cao.

Thứ hai, Quản trị chi phí và rủi ro. Áp dụng phần mềm hỗ trợ trong công nghệ thông tin để kiểm soát hoạt động doanh thu và chi phí . Tập trung rà soát và giảm các khoản chi phí : điện, văn phòng phẩm, vận chuyển, chi phí thời gian nhàn rỗi và chi phí khống chế. Kiểm soát tốt dòng tiền lưu thông và các khoản nợ, điều hành linh hoạt trong chính sách tín dụng nhằm hạn chế rủi ro.

Thứ ba, phân phối tiền lương. Duy trì định mức khoán tiền lương đối với các đơn vị trực thuộc, đảm bảo chi trả lương trên cơ sở năng lực và hiệu quả công việc.

Thứ tư, hoạt động đoàn thể. Phối hợp và giao trách nhiệm cụ thể cho các tổ chức đoàn thể giải quyết các vướng mắc về tư tưởng, động viên, khích lệ các thành viên trong tổ chức thực hiệm nhiệm vụ chính tại doanh nghiệp một cách hiệu quả.

Thứ năm, khai thác hiệu quả tài sản cố định. Tiến hành đánh giá hiệu quả sử dụng các tài sản cố định có gắn liền với đất (bao gồm đất thuê và đất sở hữu), trả hoặc cho thuê đất sử dụng không hiệu quả.

Thứ sáu, đa dạng sản phẩm kinh doanh. Mở rộng ngành nghề kinh doanh phù hợp với năng lực thực tế của Công ty, nhằm gia tăng doanh thu, lợi nhuận và nâng cao hình ảnh thương hiệu của Công ty tại thị trường Đắk Lắk và vùng lân cận.

Chiến lược về về đầu tư:

Trước hết về thực hiện GPs. Ổn định mạng lưới, cơ sở đã được cấp phép và phát huy hiệu quả từ xây dựng GPs mang lại.

Thứ hai, xây dựng cơ bản. Đầu tư có trọng điểm trên cơ sở tính đến hiệu quả lợi nhuận từ dòng tiền đầu tư.

Thứ ba, con người. Tập trung chọn lọc, bồi dưỡng đội ngũ kế cận ở các cấp quản lý có đầy đủ trình độ, năng lực đáp ứng nhu cầu phát triển của Công ty. Xây dựng một phong cách làm việc chuyên nghiệp cho người lao động thông qua đào tạo thực tiễn và đào tạo tập trung ngắn ngày.

Thứ tư, phương tiện làm việc. Trên cơ sở nhu cầu phát triển doanh thu và thực hiện mục tiêu của Công ty, sẽ đầu tư trang bị phương tiện làm việc phù hợp và mang lại hiệu quả cao.

Chiến lược thị trường

Trước hết về Sản phẩm kinh doanh chính. Tập trung khai thác sản phẩm chủ lực mà Công ty có

lợi thế và thị trường còn bỏ ngõ nhằm gia tăng lợi nhuận và tăng thị phần .

Thứ hai, chăm sóc khách hàng. Phân bổ ngân sách từ đầu năm kế hoạch để đưa ra các định hướng chăm sóc khách hàng, nhằm thực hiện được các mục tiêu đã đặt ra.

Thứ ba, nhà cung cấp chủ lực. Định hướng nhà cung cấp chủ lực nhằm tạo lợi thế khác biệt về chi phí so với đối thủ cạnh tranh.

Thứ tư, mối quan hệ. Tăng cường các mối quan hệ với các cơ quan hữu quan trong Tỉnh Đắklăk và Đắk nông nhằm tìm kiếm sự hỗ trợ để duy trì và phát triển hệ thống.

Thứ năm, thương hiệu. Tập trung tận dụng lợi thế về hệ thống thông tin của Công ty để quảng bá hình ảnh đồng thời triển khai giao dịch thông qua thương mại điện tử.

Chiến lược lãnh đạo

Trước hết, phong cách lãnh đạo. Vận dụng linh hoạt phong cách lãnh đạo từng đối tượng cụ thể trên cơ sở lấy mục tiêu và lợi ích chung của Công ty làm trọng tâm.

Thứ hai, xây dựng văn hóa tổ chức. Triển khai từng bước về 05 giá trị cốt lõi của Công ty.

Thứ ba, người quản lý. Xây dựng đội ngũ quản lý của Công ty phải có trình độ, kiến thức về nghiệp vụ đảm trách và năng lực về quản lý

- Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty.

* Đảm bảo chất lượng sản phẩm phân phối ra thị trường với mục tiêu vì sức khỏe cộng đồng.
* Thực hiện chăm lo, chia sẻ với cộng đồng thông qua các hoạt động từ thiện.
* Kinh doanh phân phối vì môi trường xanh, sạch.

5. Các rủi ro: (Nêu các rủi ro có thể ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh hoặc đối với việc thực hiện các mục tiêu của Công ty, trong đó có rủi ro về môi trường).

* Chính sách pháp luật của nhà nước về kinh doanh ngành nghề của Công ty chưa ổn định.

Là doanh nghiệp hoạt động theo hình thức Công ty cổ phần đồng thời đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (UpCOM), hoạt động của Công ty CP Dược-Vật tư y tế Đắk Lắk chịu ảnh hưởng của các văn bản pháp luật về công ty cổ phần, chứng khoán và thị trường chứng khoán bao gồm Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán, các văn bản dưới luật và các quy định đối với công ty đăng ký giao dịch. Luật và các văn bản dưới luật trong lĩnh vực này đang trong quá trình hoàn thiện, sự thay đổi về mặt chính sách luôn có thể xảy ra và khi đó ít nhiều ảnh hưởng đến hoạt động quản trị, kinh doanh của Công ty. Mặt khác chính sách mới về BHXH áp dụng từ 01/01/2016 và việc xây dựng lại hệ thống thang bảng lương cũng là khó khăn cho doanh nghiệp.

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm: Nêu các kết quả đạt được trong năm. Nêu những thay đổi, biến động lớn về chiến lược kinh doanh, doanh thu, lợi nhuận, chi phí, thị trường, sản phẩm, nguồn cung cấp...vvv.
- Tình hình thực hiện so với kế hoạch: So sánh kết quả đạt được trong năm so với các chỉ tiêu kế hoạch và các chỉ tiêu năm liền kề. Phân tích cụ thể nguyên nhân dẫn đến việc không đạt/ đạt/vượt các chỉ tiêu so với kế hoạch và so với năm liền kề.

ĐVT: triệu đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện 2014	Thực hiện 2015	Tỷ lệ (%) 2015/2014
Tổng doanh thu	361.850	295.937	(18,2)
Chi phí kinh doanh	42.690	28.663	(32,9)
Lợi nhuận trước thuế	13.067	8.740	(33,1)

Lợi nhuận sau thuế	9.837	6.603	(32,9)
FL	2,00	2,05	+0,05
LN trước thuế / Tổng doanh thu (%)	3,61	2,95	(0,66)
Cổ tức	12%	10%	
EPS (đồng)	4.298	3.144	(26,8)

2. Tổ chức và nhân sự

- Danh sách Ban điều hành: (Danh sách, tóm tắt lý lịch và tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành của Tổng Giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các cán bộ quản lý khác).

* Ban Tổng Giám đốc điều hành:

a. Tổng Giám đốc: Nguyễn Thị kim Liên – Sinh năm 1961 - Dược sĩ Đại học.

Tỷ lệ sở hữu cổ phần: 32.220 cổ phần tương đương 1,66% vốn điều lệ Công ty.

b. Phó Tổng Giám đốc: Nguyễn Ngọc Tuyên – Sinh năm 1966 - Tiến sĩ kinh tế.

Tỷ lệ sở hữu cổ phần: 1.745 cổ phần tương đương 0,09% Vốn điều lệ Công ty.

c. Kế toán trưởng: Nguyễn Thị Thanh Hân – sinh năm 1988 – Cử nhân kinh tế.

Tỷ lệ sở hữu cổ phần: 0 cổ phần tương đương 0% vốn điều lệ công ty.

- Những thay đổi trong ban điều hành: (Liệt kê các thay đổi trong Ban điều hành trong năm).
- Số lượng cán bộ, nhân viên. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động.

Đến cuối năm 2015, số lượng CBNV tại Công ty là 166 người.

Số lượng nghỉ theo chế độ 06 người; nghỉ hưu trước tuổi 07 người; số lượng lao động tuyển dụng mới 08 người.

Thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách của Nhà nước và các quy chế, chính sách của Công ty đối với người lao động. Các chính sách: tiền lương, tiền thưởng, khen thưởng, kỷ luật, nội quy lao động, chế độ nghỉ phép, nghỉ lễ, tết, BHXH, ốm đau, thai sản, an toàn vệ sinh lao động, bổ nhiệm, tuyển dụng, đào tạo. Sử dụng quỹ khen thưởng và quỹ phúc lợi nhằm động viên khuyến khích người lao động tăng cường hiệu quả công việc, gắn bó với doanh nghiệp

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

a) Các khoản đầu tư lớn: Nêu các khoản đầu tư lớn được thực hiện trong năm (bao gồm các khoản đầu tư tài chính và các khoản đầu tư dự án), tình hình thực hiện các dự án lớn. Đối với trường hợp công ty đã chào bán chứng khoán để thực hiện các dự án, cần nêu rõ tiến độ thực hiện các dự án này và phân tích nguyên nhân dẫn đến việc đạt/không đạt tiến độ đã công bố và cam kết).

-Trang bị xe ôtô 5 chỗ: 960 triệu đồng

-Xây dựng, sửa chữa nhà, chi nhánh : 2,243 tỷ

b) Các công ty con, công ty liên kết: (Tóm tắt về hoạt động và tình hình tài chính của các công ty con, công ty liên kết).

4. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính

ĐVT: Đồng

Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015	% tăng giảm/ %
** Đối với tổ chức không phải là tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng:* Tổng giá trị tài sản	89.528.079.005	95.533.069.393	6,71%

Doanh thu thuần	362.177.622.776	296.092.133.428	(18,25%)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	12.259.466.114	8.094.559.479	(33,97%)
Lợi nhuận khác	807.826.484	645.509.911	(20,09%)
Lợi nhuận trước thuế	13.067.292.598	8.740.069.390	(33,11%)
Lợi nhuận sau thuế	9.837.652.675	6.603.429.584	(32,88%)

- Các chỉ tiêu khác: (tùy theo đặc điểm riêng của ngành, của công ty để làm rõ kết quả hoạt động kinh doanh trong hai năm gần nhất).

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

ĐVT: 1.000 đ

Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015	Tỷ lệ %
1.TỔNG CỘNG TÀI SẢN	**89.528.079**	**95.533.069**	**+6,7**
I. Tài sản ngắn hạn	**83.068.266**	**87.239.241**	**+5**
1.Tiền và các khoản tương đương tiền	33.184.456	32.842.361	(1)
2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	1.788.845	2.000.000	+11,8
3.Các khoản phải thu ngắn hạn	19.473.951	25.061.654	+28,7
4.Hàng tồn kho	27.875.531	26.954.903	(3,3)
5.Tài sản ngắn hạn khác	745.482	380.322	(49)
II.Tài sản dài hạn	**6.459.812**	**8.293.827**	**+28,4**
1.Tài sản cố định	4.778.597	6.908.534	+44,6
2. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	500.000	761.976	+52,4
3.Tài sản dài hạn khác	251.000	122.500	(51,4)
2.TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	**89.528.079**	**95.533.069**	**+6,7**
I. Nợ phải trả	**44.857.034**	**49.051.170**	**+9,3**
1.Nợ ngắn hạn	44.857.034	49.051.170	+9,3
2.Nợ dài hạn	0	0	
II.Vốn chủ sở hữu	**44.671.044**	**46.481.898**	**+4**
1.Vốn đầu tư của chủ sở hữu	19.415.880	19.415.880	-
3.CÁC CHỈ SỐ TÀI CHÍNH CƠ BẢN			
ROE	22,02	14,2	(7,82)
ROA	10,98	6,9	(4,08)
ROI	0,109	0,15	+0,04
EPS	4.298	3.144	(27)
PE	6,61	9,86	+3,25
PB	23.007	23.940	+933
Chỉ tiêu khả năng thanh toán nhanh	1,23	1,23	-
D/A	0,5	0,51	+0,01
D/E	1	1,06	+0,06

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.

a) Cổ phần: Nêu tổng số cổ phần và loại cổ phần đang lưu hành, số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do và số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định pháp luật, Điều lệ công ty hay cam kết của người sở hữu. Trường hợp công ty có chứng khoán giao dịch tại nước ngoài hay bảo trợ việc phát hành và niêm yết chứng khoán tại nước ngoài, cần nêu rõ thị trường giao dịch, số lượng chứng khoán được giao dịch hay được bảo trợ và các thông tin quan trọng liên quan đến quyền, nghĩa vụ của công ty liên quan đến chứng khoán giao dịch hoặc được bảo trợ tại nước ngoài.

Tổng số cổ phần phổ thông đang lưu hành: **1.941.588 cổ phần** (không có cổ phần bị hạn chê chuyển nhượng).

b) Cơ cấu cổ đông: Nêu cơ cấu cổ đông phân theo các tiêu chí tỷ lệ sở hữu (cổ đông lớn, cổ đông nhỏ);

cổ đông tổ chức và cổ đông cá nhân; cổ đông trong nước và cổ đông nước ngoài, cổ đông nhà nước và các cổ đông khác.

* Cổ đông lớn: Công ty CP Traphaco 58,21%.
AMERICA LLC: 14,01%

* Cổ đông nhỏ: 27,78%, trong đó:

- Cổ đông là tổ chức: Công ty CP đầu tư Nam Dương 3%, Công ty chứng khoán Kim Eng Singapor 8,6%, Công ty America LLC 14,01%
- Cổ đông là cá nhân nước ngoài: 0,29%.

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Nêu các đợt tăng vốn cổ phần trong năm bao gồm các đợt chào bán ra công chúng, chào bán riêng lẻ, chuyển đổi trái phiếu, chuyển đổi chứng quyền, phát hành cổ phiếu thưởng, trả cổ tức bằng cổ phiếu v.v.: **Không.**

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Nêu số lượng cổ phiếu quỹ hiện tại, liệt kê các giao dịch cổ phiếu quỹ đã thực hiện trong năm bao gồm thời điểm thực hiện giao dịch, giá giao dịch và đối tượng giao dịch.

Số lượng cổ phiếu quỹ hiện tại: 04 cổ phiếu.

e) Các chứng khoán khác: nêu các đợt phát hành chứng khoán khác đã thực hiện trong năm. Nêu số lượng, đặc điểm các loại chứng khoán khác hiện đang lưu hành và các cam kết chưa thực hiện của công ty với cá nhân, tổ chức khác (bao gồm cán bộ công nhân viên, người quản lý của công ty) liên quan đến việc phát hành chứng khoán: **Không.**

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty.

6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm:

b) Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức.

6.2. Tiêu thụ năng lượng:

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp.

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả.

c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này.

6.3. Tiêu thụ nước: (mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm)

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng.

Nguồn cung cấp nước chính: Công ty TNHH MTV cấp nước và đầu tư xây dựng Đắk Lắk.

b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng.

Hiện tại Công ty không có hệ thống tái chế sử dụng lại các nguồn nước qua sử dụng

6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: **Không**.

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: **Không**.

6.5. Chính sách liên quan đến người lao động.

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động.

Số lao động 166 người. Mức thu nhập bình quân 6,6 triệu đồng/người/tháng.

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động.

Được thể hiện trong Quy chế, Thỏa ước lao động tập thể

c) Hoạt động đào tạo người lao động

- Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và theo phân loại nhân viên.
- Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp.

Trong năm 2015 đào tạo về kiến thức chuyên môn có 04 lớp với sự tham gia của 375 lượt

người. Đào tạo kỹ năng có 01 lớp vớ sự tham gia 38 lượt người.

6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương.

Các hoạt động đầu tư cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng khác, bao gồm hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng.

Tham gia các phong trào kết nghĩa thôn buôn, Đồn biên phòng, các chương tương thân, tương ái, xây dựng nhà tình nghĩa, các chương trình hướng về Trường Sa và Hoàng Sa,... Tham gia giữ gìn an ninh trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn doanh nghiệp đứng chân.

6.7. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN.

Lưu ý: *(Mục 6 phần II Phụ lục này, công ty có thể lập riêng thành Báo cáo phát triển bền vững, trong đó các mục 6.1, 6.2 và 6.3 không bắt buộc đối với các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ tài chính, ngân hàng, chứng khoán, bảo hiểm).*

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc (Ban Giám đốc báo cáo và đánh giá về tình hình mọi mặt của công ty)

Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc tối thiểu phải bao gồm các nội dung sau:

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

- Phân tích tổng quan về hoạt động của công ty so với kế hoạch/dự tính và các kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trước đây. Trường hợp kết quả sản xuất kinh doanh không đạt kế hoạch thì nêu rõ nguyên nhân và trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với việc không hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh (nếu có).

+ Nâng cao năng lực đấu thầu qua các hoạt động: Củng cố sản phẩm, tăng cường mối quan hệ, giảm chi phí trung gian nâng cao năng lực cạnh tranh về giá.

+ Nâng cao chất lượng dịch vụ cung ứng như: đảm bảo đầy đủ về hàng hóa, rút ngắn thời gian giao hàng, tăng cường công tác chăm sóc và giải quyết những khiếu nại của khách hàng kịp thời, trong năm lượng khách hàng mua bán đã tăng 13% và doanh thu kênh OTC tăng 11,8% so với năm 2014.

Tuy nhiên thực hiện kế hoạch chỉ đạt 99.3% kênh OTC vẫn chưa đạt được kế hoạch HĐQT đề ra

* Nguyên nhân:

-Việc giao kế hoạch OTC so với niên độ hoạt động tăng vượt tầm kiểm soát (≥35% so với dự tính 10% khi giao kế hoạch)

-Việc dự kiến kế hoạch cho đơn vị chưa có sự chuẩn bị chu đáo nên đã tạo tâm lý bất ngờ không ổn định khi thực thi nhiệm vụ.

-Tinh thần đón nhận sự thay đổi lớn trong lực lượng quản lý và người lao động chưa sẵn sàng.

-Vai trò người điều hành chưa thể hiện tính cương quyết trong công tác điều hành

- Những tiến bộ công ty đã đạt được.

2. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài sản

Phân tích tình hình tài sản, biến động tình hình tài sản (phân tích, đánh giá hiệu quả sử dụng tài sản, nợ phải thu xấu, tài sản xấu ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh). So sánh với năm 2014, tài sản ngắn hạn tăng 5% và tài sản dài hạn tăng 28,4%. Tài sản ngắn hạn tăng có sự đóng góp duy trì khoản mục tiền và khoản tương đương tiền và khoản phải thu ngắn hạn. Hai điều nầy cũng thấy rõ việc điều hành duy trì tính thanh khoản của Công ty làm tăng dòng tiền luân chuyển kinh doanh và sinh lợi từ dòng tiền. Ngoài ra việc tăng khoản phải thu nhằm mục đích thúc đẩy doanh thu kế hoạch vào cuối kỳ kế toán. Trong khoản phải thu của năm tài chính nầy, Công ty có trích lập khoản dự phòng phải thu ngắn hạn với số tiền trên 80 triệu đồng, tăng 100% so với 2014. Khoản trích lập nầy chủ yếu từ khoản bán hàng của đối tác liên doanh với Công ty được ghi nhận doanh thu từ việc sử dụng hóa đơn của Công ty. Tuy nhiên đánh giá khoản nợ nầy độ rủi ro thấp do khoản nợ được đối tác bảo lãnh. Khoản dự phòng giảm giá tồn kho giảm 58% so với năm 2014, điều nầy cũng minh chứng trong năm tài chính, Công ty đã kiểm soát hàng chậm luân chuyển và đồng thời việc trích dự phòng nhằm dự báo giảm giá tồn kho trong đầu năm 2016 (do dự báo sẽ có biến động giá của thị trường theo hướng tiêu

cực đối với công ty trong quí 1). Khoản mục TS dài hạn tăng 28,4% so với 2014, chủ yếu là từ TSCĐ. Công ty đã thực hiện đầu tư theo phương án đầu tư đã được Đại hội cổ đông 2015 thông qua. Trong năm tài chính, tài sản cố định vô hình công ty giảm 9,4% so với 2014, chứng tỏ trong năm loại tài sản nầy tiếp tục duy trì có lợi thế kinh doanh củaCông ty nên không thực hiện đầu tư mới vào khoản mục nầy.

Khoản mục đầu tư tài chính dài hạn phát sinh tăng 52,4% , chủ yếu sử dụng nghiệp vụ tài chính trong thực hiện bảo lãnh thầu và thực hiện theo hướng dẫn hạch toán của kế toán mới. Còn khoản đầu tư vào liên kết cũng chưa thu được lợi nhuận từ khoản đầu tư nầy (đầu tư >3 năm). Từ đánh giá các yếu tố quan trọng trên, mặc dầu trong năm tài chính có nhiều dấu hiệu không tích cực đối với Công ty nhưng cũng có thể thấy Công ty vẫn tiếp tục thực hiện tốt khâu quản trị và đảm bảo an toàn hoạt động của mình

b) Tình hình nợ phải trả.

- Tình hình nợ hiện tại, biến động lớn về các khoản nợ.
- Phân tích nợ phải trả xấu, ảnh hưởng chênh lệch của tỉ lệ giá hối đoái đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, ảnh hưởng chênh lệch lãi vay.

Tăng 9,3% so với năm 2014, trong đó chủ yếu tập trung vào phải trả người bán tăng 20,4%. Đây cũng là bài giải mà Công ty tiếp tục sử dụng đòn cân nợ nhằm tăng hiệu quả cho chỉ số ROI và EAT vào cuối kỳ kế toán đồng thời giảm áp lực thu để kích cầu doanh thu và duy trì lợi nhuận theo mục tiêu từ áp lực biên độ lãi gộp giảm.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai.

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có) - (Trường hợp ý kiến kiểm toán không phải là ý kiến chấp thuận toàn phần): **Không**

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty.

a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải...).

b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động

c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty (đối với công ty cổ phần)

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội.

a. Đối với công tác tổ chức và nhân sự

-Ổn định và củng cố hệ thống theo từng yếu tố cụ thể phù hợp với tình hình hoạt động theo mô hình đã đưa ra: Trong năm đã sáp nhập NT Lak vào CN BMT-Cưkuin, ổn định nhân sự tại các đơn vị: CN Ekar-Kr Pak, NT Kr Bông, Phòng TTBH, Phòng THNV, trong đó tập trung tái cấu trúc hoạt động phòng TTBH, định hướng lại nhiệm vụ hoạt động.

-Sắp xếp nhân lực trên cơ sở đáp ứng nhiệm vụ và nhu cầu công việc của từng bộ phận, đơn vị kết quả trong năm:

+Năng suất lao động đạt được: 145,582 triệu/ người/ tháng, đạt 93,92%

+Thu nhập BQ người lao động: 6,6 triệu đồng/ người/ tháng đạt 117,6%

b.Đối với hoạt động đầu tư:

Trong năm đã đầu tư:

-Trang bị xe hoạt động: 960 Triệu đồng

-Hoàn thành cơ sở CN Đăk nông: 1,6 tỷ

-Sữa chữa nhà thuốc Krông Ana: 280 triệu đồng.

-Trang bị kho CN BMT-C: 163 triệu

-Trang bị công cụ dụng cụ: 176,6 triệu đồng

Phát huy có hiệu quả về tài sản hiện có: 383,8 triệu đồng trong đó tại Lak cho thuê dài hạn thu tiền 1 lần: 110 triệu đồng.

c.Đối với hoạt động chuyên môn:

-Kiểm soát 100% nguồn gốc của sản phẩm, đảm bảo sản phẩm lưu hành đạt an toàn về chất lượng, việc thu hồi sản phẩm có xảy ra (6SP) nhưng rất hạn chế và chủ yếu do yếu tố khách quan (Hậu kiểm của BYT)

-Bảo toàn hoạt động hệ thống theo chuẩn GPs, việc kiểm soát lot date được thực hiện nghiêm túc, tuy nhiên vẫn còn xảy ra sự chưa chính xác trong cấp phát do thói quen chưa thể điều chỉnh ngay được từ khách hàng (lấy hàng theo kiểu siêu thị) đến người cấp phát (Vừa NV vừa thủ kho)

-Hoạt động chuyên môn cũng đã từng bước đi vào ổn định, nâng cao vai trò của người chịu trách nhiệm chuyên môn.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty.

- Ban Tổng Giám đốc có sự phân công nhiệm vụ rõ ràng.
- Trên cơ sở Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các chủ trương, nghị quyết của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc công ty đã tổ chức điều hành tốt mọi hoạt động của Công ty theo kế hoạch đã được Đại hội thông qua và quyết định của HĐQT qua các kỳ họp.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị.

- Đánh giá chất lượng nguồn nhân lực, bố trí công việc hợp lý, đào tạo đội ngũ quản lý đáp ứng yêu cầu công việc.
- Nâng cao mối quan hệ với các cơ quan hữu quan tạo điều kiện cho hoạt động kinh doanh bền vững và xây dựng giải pháp tăng doanh thu thị phần điều trị.
- Thay đổi phương thức quản lý điều hành. Thống nhất trong chỉ đạo và hành động.
- Nâng cao chất lượng đội ngũ quản lý cấp trung với tinh thần hợp tác, chia sẽ, cam kết và trách nhiệm
- Thực hiện đúng kế hoạch tài chính năm 2016.
- Quản trị, tiết giảm chi phí quản lý.
- Đảm bảo tài chính đáp ứng cho hoạt động đầu tư đã được ĐHĐCĐ thông qua
- Duy trì các hoạt động quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn GPs: GDP, GPP, GSP. Đảm bảo 100% sản phẩm lưu thông trên thị trường đạt chất lượng

V. Quản trị công ty (Tổ chức không phải là tổ chức niêm yết không bắt buộc phải công bố các thông tin tại Mục này).

1. Hội đồng quản trị.

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị: (danh sách thành viên Hội đồng quản trị, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành, nêu rõ thành viên độc lập và các thành viên khác; số lượng chức danh thành viên hội đồng quản trị do từng thành viên Hội đồng quản trị của công ty nắm giữ tại các công ty khác.

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: (Liệt kê các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị và thành viên trong từng tiểu ban.

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị: đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp Hội đồng quản trị, nội dung và kết quả của các cuộc họp.

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập. Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị: (đánh giá hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp của từng tiểu ban, nội dung và kết quả của các cuộc họp.

e) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm.

2. Ban Kiểm soát

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát: (danh sách thành viên Ban kiểm soát, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành.

b) Hoạt động của Ban kiểm soát: (đánh giá hoạt động của Ban kiểm soát, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp của Ban kiểm soát, nội dung và kết quả của các cuộc họp.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát.

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích: (Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí cho từng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý. Giá trị các khoản thù lao, lợi ích và chi phí này phải được công bố chi tiết cho từng người, ghi rõ số tiền cụ thể. Các khoản lợi ích phi vật chất hoặc các khoản lợi ích chưa thể/không thể lượng hóa bằng tiền cần được liệt kê và giải trình đầy đủ.

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: (Thông tin về các giao dịch cổ phiếu của các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc), Kế toán trưởng, các cán bộ quản lý, Thư ký công ty, cổ đông lớn và những người liên quan tới các đối tượng nói trên.

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: (Thông tin về hợp đồng, hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đã được thực hiện trong năm với công ty, các công ty con, các công ty mà công ty nắm quyền kiểm soát của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc), các cán bộ quản lý và những người liên quan tới các đối tượng nói trên.

d) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: (Nêu rõ những nội dung chưa thực hiện được theo quy định pháp luật về quản trị công ty. Nguyên nhân, giải pháp và kế hoạch khắc phục/kế hoạch tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị công ty.

VI. Báo cáo tài chính

1. Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính

2. *Báo cáo tài chính được kiểm toán* (Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bao gồm: Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Bản thuyết minh Báo cáo tài chính theo quy định pháp luật về kế toán và kiểm toán. Trường hợp theo quy định pháp luật về kế toán và kiểm toán, công ty phải lập Báo cáo tài chính hợp nhất hoặc Báo cáo tài chính tổng hợp thì Báo cáo tài chính trình bày trong Báo cáo thường niên là Báo cáo tài chính hợp nhất đồng thời nêu địa chỉ công bố, cung cấp báo cáo tài chính của công ty mẹ hoặc Báo cáo tài chính tổng hợp hoặc Báo cáo tài chính của đơn vị kế toán cấp trên.

XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

TỔNG GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC-VẬT TƯ Y TẾ ĐẮK LẮK

DS Nguyễn Thị Kim Liên